

GIẢNG DẠY TIẾNG ANH TRONG THỜI ĐẠI TRUYỀN THÔNG SỐ TỪ GÓC NHÌN CỦA NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI

TEACHING ENGLISH IN THE DIGITAL AGE: A SOCIOLINGUISTIC PERSPECTIVE

NGUYỄN VĂN LONG
(TS; Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng)

Abstract: This meta-analysis paper discusses novelty conceptions in the theory and methodology of teaching English under a sociolinguistic perspective and digital discourse in the era of digital media. The introduction briefly presents the recent research in the field of sociolinguistics, including the topics, trends and social-oriented language learning that global researchers have pointed out, in order to help us associate the stance of digital discourse in this field of linguistics. Through these studies, it is seen there are four concepts that should be defined in sociolinguistics in this digital media era: discourse, technology, multi-dimensional communication, and ideology. The analysis revolves around the relationship between the concepts above and provide orientations for teaching foreign languages in this digitized era.

Key words: English teaching; sociolinguistics; digital discourse; digital media; digital era.

1. Một số vấn đề chung về truyền thông số và ngôn ngữ thời đại truyền thông số

1.1. "Truyền thông mới" hay "truyền thông số" là một thuật ngữ trong ngành truyền thông và báo chí, xuất hiện ở phần cuối của thế kỉ 20. Với truyền thông số, người dùng có khả năng truy cập theo yêu cầu nội dung bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào, trên bất kì thiết bị kĩ thuật số, cũng như nhanh chóng tương tác với thông tin phản hồi, tham gia sáng tạo và hình thành cộng đồng trao đổi về nội dung truyền thông. Lợi thế đầu tiên của truyền thông số là tính chất bình đẳng: người tham gia có thể tự sáng tạo, phân phối, xuất bản và tiêu thụ nội dung trên các phương tiện truyền thông. Điểm phân biệt các phương tiện truyền thông số với phương tiện truyền thông truyền thống là việc nội dung được số hóa. Ngoài ra còn tính đến đặc điểm năng động của quá trình sản xuất nội dung: có thể được thực hiện trong thời gian thực. Vậy các đặc điểm của truyền thông số có ý nghĩa gì đối với ngôn ngữ xã hội học? Đây là một câu hỏi thú vị rất cần các nhà nghiên cứu giải thích.

1.2. Theo Thurlow và Mroczek [1], chỉ có ba ấn bản kể từ năm 1996 mô tả một quan điểm

giống nhau về ngôn ngữ ở thời đại truyền thông số. Sau ấn phẩm mang tính cách mạng *Computer-mediated communication: Linguistic, social and cross-cultural perspectives* của Herring [2] là cuốn *The multilingual internet: language, culture and communication online* của Danet và Herring [3] và tiếp theo là *Language and new media: linguistic, cultural, and technological evolutions* của Rowe và Wyss [4]. Dĩ nhiên, cuốn sách được đọc và trích dẫn nhiều nhất năm 2000 *From alphabet to email* của Baron [5], cũng là mốc quan trọng cho ngôn ngữ xã hội học trong thời đại truyền thông số. Cũng có những ảnh hưởng tương tự của cùng tác giả là cuốn sách *Always on: Language in an online and mobile world* [6]. Dù ít được trích dẫn cho các nghiên cứu hơn, nhưng *Language and the internet* [7] và *Texting: The gr8 db8* [8] của Crystal cũng cực kì phổ biến và thu hút được công chúng chú ý đến vai trò của ngôn ngữ trong thời đại truyền thông số.

Cũng trong thời điểm này, cũng đã có đến ba tạp chí chuyên ngành cho ra các chuyên san về ngôn ngữ/diễn ngôn và truyền thông số. Hai trong ba chuyên san này được tạp chí *Journal of*

computer-mediated communication cho ra đời; một là do Danet và Herring chủ biên vào năm 2003, với chủ đề "hình thức đa ngôn ngữ trong truyền thông số", làm tiền thân cho một chuyên san khác trên cùng tạp chí trên, với chủ đề "diễn ngôn với truyền thông số của thế hệ trẻ" vào năm 2009. Chuyên san thứ ba là của chủ biên Androutsopoulos về "giao tiếp qua trung gian máy tính" [9] trên tạp chí Ngôn ngữ học xã hội (Journal of sociolinguistics).

Nhìn từ góc độ toàn cầu hóa, Herring [2, 10, 11] mô tả các công tình nghiên cứu của mình như là các phân tích diễn ngôn thông qua máy tính (computer-mediated discourse analysis), qua đó tác giả sắp xếp các thứ tự ưu tiên cho các hướng nghiên cứu như sau: 1/Biến số công nghệ, bao gồm tính đồng bộ, kích thước của bộ đệm thông tin, danh tính người gửi tin, tính bền vững của hội thoại, các kênh truyền thông (ví dụ, văn bản, âm thanh, video), chế độ tự động lọc; 2/ Biến số tình huống, bao gồm cấu trúc tham gia (ví dụ, mời/dóngh, số người tham gia), nhân thể người tham gia, mục đích, chủ đề, mức độ tham gia, mã ngôn ngữ; 3/ Biến thể ngôn ngữ (hoặc các tính năng diễn ngôn), bao gồm cấu trúc (ví dụ, kiểu chữ, chính tả, loại từ, cấu trúc câu), nghĩa (gồm các biểu tượng, lời nói, lời phát biểu, trao đổi), tương tác (ví dụ, lượt nói, phát triển chủ đề), và chức năng xã hội (ví dụ, đánh dấu danh tính, hài hước và vui chơi, thể hiện qua khuôn mặt, xung đột).

Đây là khung cơ bản cho các biến thể diễn ngôn trong truyền thông số, tạo nền tảng cho rất nhiều nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học xã hội và tham chiếu xuyên suốt lĩnh vực diễn ngôn số. Một vài tác giả khác còn đẩy lĩnh vực mới này xa hơn và đề xuất một chương trình nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội hiện đại hơn; lĩnh vực mà thường được gọi tên là giao tiếp qua trung gian máy tính. Trong phần giới thiệu trên tạp chí *Journal of sociolinguistics*, Androutsopoulos [9] đã có các đề xuất, gồm: 1/Cần kiểm tra lại các giả thuyết về các đặc trưng của ngôn ngữ trên truyền thông số; 2/Cần chuyển dịch hướng nghiên cứu vượt qua các đặc tính đơn giản (đồng thời và không đồng thời) của giao tiếp qua máy tính; 3/Cần chuyển dịch

hướng nghiên cứu ra khỏi việc nhấn mạnh quá mức về các đặc tính ngôn ngữ học của ngôn ngữ trong truyền thông số, cụ thể là bản chất của thể loại ngôn ngữ trong truyền thông số (văn nói và văn viết); 4/Cần chuyển dịch từ nghiên cứu liên quan đến yếu tố phương thức đến các giải pháp liên quan đến người dùng.

Trong công trình gần đây, Androutsopoulos [12] tiếp tục ủng hộ giá trị của nghiên cứu định hình bởi loại diễn ngôn - dân tộc học hơn là cách tiếp cận các biến thể. Liên quan đến điều này, Androutsopoulos chỉ ra rằng, các nhà nghiên cứu đã vượt qua mỗi quan tâm một chiều về các đặc tính của ngôn ngữ trong truyền thông số và về việc khoanh định diễn ngôn cá nhân; thay vào đó, chú ý nhiều hơn đến hoạt động theo tình huống của người sử dụng ngôn ngữ trong truyền thông mới và đến cách sử dụng nhiều phương tiện giao tiếp cùng lúc (ví dụ: mạng xã hội).

Tương tự như vậy, trong một bài báo trước đây trên tạp chí *Pragmatics* và trong bài phê bình trên chuyên san của Androutsopoulos, Georgakopoulou [13] tóm tắt và đưa ra vấn đề về chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực ngôn ngữ học gần đây trong một lĩnh vực rộng hơn là giao tiếp qua công nghệ. Tác giả này cũng đề xuất hướng nghiên cứu tương lai, song song với hướng do Androutsopoulos đề xuất: 1/Cần thừa nhận cách mà truyền thông số pha trộn lối hành văn nói và viết; 2/ Cần chú trọng ít hơn đến chức năng "thông tin" của giao tiếp qua công nghệ và nhiều hơn cách thể hiện bản thể qua đó giao tiếp này được sử dụng; 3/Cần bảo đảm nghiên cứu ngôn ngữ được đặt trên nền tảng văn hóa - xã hội rộng hơn; 4/Cần luôn xem xét kết nối giao tiếp trực tuyến và giao tiếp trực tiếp; cũng như giữa các công nghệ khác nhau; 5/Cần dịch chuyển hướng nghiên cứu tập trung đến bản chất bối cảnh và đặc thù của ngôn ngữ trong truyền thông số; 6/ Cần kết hợp giữa nghiên cứu định tính và định lượng.

Một lần nữa, có thể thấy trong "uyên ngôn" của Georgakopoulou về nghiên cứu ngôn ngữ trong truyền thông số lời kêu gọi định hướng đến ý nghĩa xã hội của công nghệ và ý nghĩa đặc thù

cho cá nhân, cho nhóm hoặc cho cộng đồng cụ thể.

Một vấn đề tồn đọng lâu nay trong lĩnh vực học thuật về truyền thông số (cả ngôn ngữ học xã hội và các ngành khác) là sự thống trị của tiếng Anh - vừa là ngôn ngữ xuất bản vừa là đối tượng nghiên cứu. Trong bộ sưu tập mang tính cách mạng trên tạp chí *The Multilingual Internet*, Danet and Herring [3] đã nỗ lực thay đổi tình huống, thu thập các công trình nghiên cứu về các ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh trên internet; những nghiên cứu được thực hiện bởi các học giả mà tiếng mẹ đẻ của họ không phải là tiếng Anh.

2. Phạm vi của ngôn ngữ học xã hội trong truyền thông số

Theo các nhà nghiên cứu trong lĩnh vực mới mẻ này (Herring, Androutsopoulos, Danet, and Georgakopoulou), có bốn khái niệm giúp khoanh vùng phạm vi nghiên cứu của ngôn ngữ học xã hội [14] trong truyền thông số và là nền tảng cho các nghiên cứu về diễn ngôn số. Bốn khái niệm này có liên hệ mật thiết với nhau và việc tách chúng ra là chỉ để việc phân tích dễ dàng hơn.

2.1. Diễn ngôn: ngôn ngữ, phương thức và công nghệ hóa

Khi đặt ngôn ngữ vào đúng chỗ của nó, ngay từ đầu cần xác định mục đích nghiên cứu ngôn ngữ ở mức độ nó có thể làm rõ các tiến trình phát triển văn hóa và xã hội [13, 15]. Nói cách khác, mối quan tâm hàng đầu của chúng ta không phải là yếu tố ngôn ngữ "ngữ pháp" trừu tượng của ngôn ngữ học mà cách ngôn ngữ được sử dụng trong đời sống hàng ngày, hay còn gọi là diễn ngôn.

Ngôn ngữ học xã hội và phân tích diễn ngôn định hướng ngôn ngữ cần được nghiên cứu theo các điểm chung là: chức năng xã hội của ngôn ngữ, kết quả tương tác của nghĩa, tầm quan trọng của mục đích giao tiếp, và sự liên hệ đến bối cảnh văn hóa/xã hội [16]. Điều này mang đến hai đề xuất cụ thể cho ngôn ngữ học xã hội trong truyền thông số. Một là, nên thừa nhận bản chất *trung gian* [17, 18] của tất cả phương thức giao tiếp, chứ không chỉ giao tiếp qua trung gian là công nghệ; giao tiếp luôn được phân tích theo

bối cảnh gồm các mối quan hệ, cử chỉ, giọng điệu và kiểu chữ. Đôi khi, yếu tố trung gian (ở đây là công nghệ) chỉ là yếu tố trung gian tối thiểu nhất.

Đề xuất thứ hai là cách tiếp cận ngôn ngữ trên nền lý thuyết văn hóa-xã hội nên được đặt trong môi trường công nghệ hóa [19], trước khi bàn đến công nghệ cho giao tiếp [20].

2.2. Công nghệ: từ đặc thù đến phổ quát, từ kỹ thuật số đến ngôn ngữ học

Nói đến công nghệ, chúng ta dễ dàng nghĩ ngay đến máy vi tính, điện thoại, máy fax, và có lẽ cũng có máy giặt, máy trợ thính,... Còn những thứ như kẹp giấy, bút chì, hoặc chữ viết thì sao? Tất cả đều là công nghệ. Không phải cơ chế làm việc của chiếc đồng hồ giúp tăng cường năng lực cơ bản của con người, mà là cơ chế vận động của thời gian [21]. Ngôn ngữ học trong truyền thông số cần nắm bắt công nghệ trên nền lý thuyết toàn diện hơn, có tính phê bình cao hơn trước khi bàn đến vai trò của nó trong giao tiếp của con người.

Trên cơ sở của thuyết cấu trúc xã hội cực đoan và thuyết lấy công nghệ làm nền tảng, cần thừa nhận một vài đặc tính cần thiết của công nghệ giao tiếp. Không thể phủ nhận rằng công nghệ có thể phát huy một vài hình thức giao tiếp. Tuy nhiên, công nghệ, ngay cả công nghệ giao tiếp mới, thường không mang tính cách mạng cao như chúng ta mong đợi. Chúng thường được nhúng vào trong các hoạt động giao tiếp hàng ngày [10]. Vì vậy, công nghệ nên được xem như công cụ hỗ trợ cho khả năng và cuộc sống của con người, gần giống như thiết bị trợ thính hay chiếc kẹp giấy [22, 23].

Chính vì lý do này - đặc điểm chỉ mang tính hỗ trợ của công nghệ - mà chúng ta có khái niệm truyền thông trong công nghệ. Đối với chúng ta, nói đến "truyền thông số" là cách dễ vạch rõ - và qua đó thừa nhận - khuynh hướng của các văn bản học thuật và phổ thông đánh giá cao vai trò của công nghệ trong các hoạt động văn hóa và xã hội [11]. Nelson [24] đại ý nói rằng, "chiếc áo không làm nên thầy tu", cũng giống như khi chúng ta quan tâm đến vai trò của ngôn ngữ trong đời sống xã hội, chúng ta cũng quan tâm đến vai trò công nghệ ở ý

ngôn ngữ văn hóa. Từ góc độ của ngôn ngữ học xã hội và phân tích diễn ngôn, chúng ta cũng quan tâm đến việc công nghệ có thể cho ta biết gì về ngôn ngữ.

2.3. *Giao tiếp đa phương tiện: vượt qua giới hạn ngôn ngữ*

Đa phương tiện giao tiếp là phần hiển nhiên trong nghiên cứu về truyền thông số. Nó được xem là khái niệm cốt lõi của ngôn ngữ học xã hội và phân tích diễn ngôn [25]. Liên quan đến ý này, điều mà các khoa học gia truyền thông số bên ngoài lĩnh vực phân tích diễn ngôn ít khi làm đó là, cần phân biệt rạch ròi giữa phương tiện (medium) và phương thức (mode) và vai trò tác động lẫn nhau giữa hai khái niệm. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh các định dạng đa phương tiện của truyền thông số phát triển ngày càng phức tạp, mang đến sự kết hợp không thể tránh khỏi giữa phương tiện truyền thông cũ và mới [26], và các lớp truyền thông cũ và mới được xếp chồng chéo lên nhau [12, 27].

Trong nỗ lực làm rõ vai trò của ngôn ngữ trong giao tiếp lấy công nghệ làm trung gian, các học giả thường bỏ qua sự thật rằng, ngôn ngữ chỉ là một trong nhiều nguồn giao tiếp được sử dụng. Tất cả dữ kiện giao tiếp luôn được thực hiện với nhiều nguồn thông tin kí hiệu khác nhau. Nhiều tiềm năng sáng tạo và ý tưởng mới xuất hiện từ đây. Thi thoảng, các nghiên cứu chỉ ra bằng cách nào người tham gia giao tiếp vượt qua các giới hạn của thông tin kí hiệu để thực hiện các tiến trình giao tiếp thành công. Ngôn ngữ học xã hội trong truyền thông số đang cần đến một loại thiết bị phân tích tiến bộ hơn để có thể theo kịp những thay đổi có ý nghĩa của ngôn ngữ trong không gian của truyền thông số.

2.4. *Hệ tư tưởng: liên ngành công nghệ - ngôn ngữ*

Trong các nghiên cứu diễn ngôn định hướng ngôn ngữ, đặc biệt là những nghiên cứu phân tích diễn ngôn phê phán, các học giả quan tâm đến cách mà các hoạt động ngôn bản và tương tác ở cấp độ vi mô đã thiết lập thế giới của chúng ta và cách mà các hoạt động giao tiếp hàng ngày được xây dựng bởi các trật tự xã hội, bởi hệ thống ý thức, và bởi các cấp độ kiến thức khác nhau.

Trực tuyến hay trực tiếp, nói hay gõ, trực diện hay qua trung gian số, những gì chúng ta thực hiện với ngôn ngữ đều có kết quả cụ thể, và ngôn ngữ là công cụ trong việc thành lập nên các tiêu chí khác nhau, các mối quan hệ khác nhau. Cho dù được thực hiện bởi các nhà nghiên cứu, hay nhà báo, hay giáo viên, hay "dân không chuyên", ngôn ngữ luôn bộc lộ yếu tố biến đổi không lường của hệ thống biểu tượng: sự tranh luận về các chuẩn đúng, tốt và bình thường của ngôn ngữ; sự tranh cãi về đạo tạo hướng nghiệp và học vấn, sự phân cấp xã hội và chuyển ngành của người nói và cấu trúc thực hiện của bản thân ngôn ngữ [29]. Thêm vào đó, một số người diễn đạt tốt hơn người khác; một số có lối diễn đạt của quyền lực và lí lẽ, một số ăn nói kiểu đường phố. Theo các công trình nghiên cứu về ý thức hệ ngôn ngữ, bản về ngôn ngữ, về cơ bản, đó là vấn đề lĩnh vực bản đến của tập thể tham gia chứ không phải là chi tiết của các bài phát biểu.

3. Kết luận: từ khái niệm đến phương pháp

3.1. Đối với bốn khái niệm trên, chúng tôi còn muốn trình bày một thành tố không kém phần quan trọng, đó là yếu tố mới trong truyền thông số. Có một mâu thuẫn nhỏ ở đây. Một mặt, trong lúc chúng ta đang bàn về yếu tố mới của công nghệ thì cái "mới" này đã không còn mới so với tốc độ phát triển của công nghệ. Một điều không tránh khỏi là các thao tác nghiên cứu văn hóa xã hội và ngôn ngữ học xã hội mà trong đó những công nghệ này là một phần cũng sẽ đã thay đổi. Điều này không hề cản trở mong muốn của các nhà nghiên cứu trong việc cập nhật từng ngày các thông tin về công nghệ. Có rất nhiều điều đạt được từ việc chi đơn giản theo dõi và ghi lại sự phát triển và thay đổi này. Tuy nhiên, cần thận trọng khi đưa ra các dự đoán quá mức tự nhiên về sự ổn định và bền vững của những thay đổi về "ngôn ngữ công nghệ học" tại một thời điểm. Cũng cần giữ trong vòng kiểm soát những nhiệt tình học thuật của chúng ta trong việc liên tục tìm kiếm yếu tố mới trong truyền thông số và sự thể hiện thái quá về những thay đổi của công nghệ mà không tính đến bối cảnh lịch sử phát triển.

3.2 Các nhân tố cần tính đến trong phân tích lí luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh trong thời đại truyền thông số [3], là sự kết hợp các yếu tố đa ngôn ngữ, đa văn hóa, đa truyền thông, và đa phương tiện trong kỉ nguyên truyền thông số: 1/ Ngôn ngữ và văn hóa (ví dụ: cộng đồng ngôn luận, bối cảnh, và hiệu suất); 2/ Các hệ thống chữ viết (ví dụ: những hạn chế của mã ASCII, ứng tác đặc thù của người sử dụng); 3/ Tính năng ngôn ngữ và diễn ngôn (ví dụ: chính tả và kiểu chữ); 4/ Giới và ngôn ngữ (ví dụ: tính lịch sự, lượt thoại, vị thế xã hội khác nhau); 5/ Lựa chọn ngôn ngữ và mã chuyển đổi (ví dụ: ngôn ngữ sử dụng trong các cộng đồng trực tuyến); 6/ Đa dạng ngôn ngữ (ví dụ, ngôn ngữ trong cộng đồng nhỏ và có nguy cơ tuyệt chủng, vị thế của tiếng Anh).

Bên cạnh đó, điều tiết quá trình hấp thụ đối với những công nghệ mới như "Web2.0" có thể giúp chúng ta đi trước một bước trên con đường tìm kiếm định hướng cho diễn ngôn số trong thời đại truyền thông kĩ thuật số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thurlow, C. and K. Mroczek (2011), *Introduction: fresh perspectives on new media sociolinguistics*, in *Digital Discourse: Language in the New Media*, C. Thurlow and K. Mroczek, Editors. Oxford University Press: New York.

2. Herring, S.C., ed (1996), *Computer-mediated communication: linguistic, social and cross-cultural perspectives*. Pragmatics and Beyond series, John Benjamins: Amsterdam.

3. Danet, B. and S.C. Herring, eds (2007), *The multilingual internet: language, culture, and communication online*. Oxford University Press: Oxford.

4. Rowe, C. and E.L. Wyss, eds (2009), *Language and new media: linguistic, cultural, and technological evolutions*. Hampton Press: Cresskill, NJ.

5. Baron, N. (2000), *From alphabet to email: How written English evolved and Where it's headed*. London: Routledge.

6. Baron, N. (2008), *Always on: Language in an online and mobile world*. Oxford: OUP.

7. Crystal, D. (2001), *Language and the internet*. Cambridge: Cambridge University Press.

8. Androutsopoulos, J. (2006), *Special issue of the Journal of sociolinguistics*. 10(4).

9. Herring, S.C. (2008), *Questioning the generational divide: technological exoticism and adult construction of online youth identity*, in *Youth, identity, and digital media*, D. Buckingham, Editor, MIT Press: Cambridge, MA. p. 71-94.

10. Androutsopoulos, J. (2010), *Localising the global on the participatory web: Vernacular spectacles as local responses to global media flows*, in *Handbook of language and globalization*, N. Coupland, Editor, Wiley-Blackwell: Oxford.

11. Georgakopoulou, A. (2006), *Postscript: computer-mediated communication in sociolinguistics*. *Journal of Sociolinguistics*. 10(4): p. 548-557.

12. Nguyễn Văn Long (2015), *Ứng dụng của giao tiếp qua công nghệ trong sự phát triển năng lực ngoại ngữ [The application of computer-mediated communication into foreign language development]*. *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống (Language & Life)*. 3(233): p. 22-25.

13. Nguyễn Văn Long (2013), *Đặc tính sư phạm của giao tiếp qua công nghệ [Pedagogical features of computer-mediated communication]*. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng (The University of Danang Journal of Science and Technology)*. 7(68): p. 37-42.

14. Nguyễn Văn Long (2008), *Computer mediated communication and foreign language education: Pedagogical features*. *International Journal of Instructional Technology and Distance Learning*. 5(12): p. 23-44.

15. Foucault, M. (1981), *The order of discourse*, in *Untying the Text: A Poststructuralist Reader*, R. Young, Editor, Routledge & Keegan Paul: London. p. 48-77.